

**CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG D-DESIGN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KIẾN TRÚC NỘI THẤT VÀ XÂY DỰNG D-DESIGN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: D-DESIGN INTERIOR ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: D-DESIGN INTERIOR ARCHITECTURE AND CONSTRUCTION CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502457405

**3. Ngày thành lập:** 25/06/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Tổ 7, Đường Hùng Vương, Khu phố Tân Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Điện thoại: 0707 789 987

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Mã ngành                                                     |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Sản xuất hàng trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3290                                                         |
| 2.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4101                                                         |
| 3.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4102                                                         |
| 4.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4229                                                         |
| 5.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4299                                                         |
| 6.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4311                                                         |
| 7.  | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4312                                                         |
| 8.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở và trừ lắp đặt các thiết bị lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản)                                                              | 4322                                                         |
| 9.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4329                                                         |
| 10. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4330                                                         |
| 11. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4390                                                         |
| 12. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4663                                                         |
| 13. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hàng trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669                                                         |
| 14. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4759                                                         |
| 15. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                              | 4773                                                         |
| 16. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thẩm tra thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế nội - ngoại thất công trình; Thẩm tra thiết kế nội - ngoại thất công trình; Hoạt động đo đạc bản đồ | 7110(Chính)                                                  |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7410                                                         |
| 18. | Lắp đặt hệ thống điện<br>(trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4321                                                         |
| 19. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện                                                                                                                             | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức   | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN QUỐC THUẬN | Việt Nam  | 07 Đường G, Thôn 2, Xã Cư Êbur, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam | 1.950.000.000         | 39,000    | 241499155                                                                                               |         |
| 2   | MAI ĐỨC DUY     | Việt Nam  | Đội 6, Xã Hải Vân, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam                | 3.050.000.000         | 61,000    | 163358527                                                                                               |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: MAI ĐỨC DUY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 06/01/1995

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 163358527

Ngày cấp: 20/02/2013

Nơi cấp: Công an Tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Đội 6, Xã Hải Vân, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Tổ 2, Khu phố Phước Lộc, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu